

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: hoá học; Chuyên ngành: Hoá Lý thuyết và Hoá Lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Huỳnh Lê Thanh Nguyên

2. Ngày tháng năm sinh: 27/11/1987 ; Nam ☒; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 1942/67/12 Huỳnh Tấn Phát, Thị Trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 1942/67/12 Huỳnh Tấn Phát, Thị Trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Hoá học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 09 03 73 82 70;

E-mail: hltnguyen@hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 11/2012 đến tháng 12/2018: Nghiên cứu viên, PTN Hoá Lý Ứng dụng, Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHQG-HCM).

- Từ tháng 12/2018 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Hoá Lý, Khoa Hoá học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHQG-HCM).

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên ; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHQG-HCM)

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (+84)28 62 88 44 99

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 9 năm 2011; số văn bằng: 87HH/9-11; ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa lý; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHQG-HCM), Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 12 năm 2012; số văn bằng: INPGRE 8717965; ngành: Công nghệ điện hoá; chuyên ngành: Điện hoá và quy trình; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Bách khoa Grenoble (Grenoble-INP), Cộng hoà Pháp

- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 10 năm 2017; số văn bằng: USPEST 13081582; ngành: Hoá học; chuyên ngành: Vật liệu; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Paris-Est, Cộng hoà Pháp.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHQG-HCM).

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Vật liệu cho lưu trữ và chuyển hoá năng lượng
- Hướng nghiên cứu 2: Vật liệu cho xử lý môi trường

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

4	2019-2020					262	60	322/565,56/270
5	2020-2021					376	82,5	458,5/745,08/270
6	2021-2022			01	01	156	45	201/328,75/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh và Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại nước: Cộng hoà Pháp năm 2012

- Bảo vệ luận văn luận án TS ☒; tại nước: Cộng hoà Pháp năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Kiều Duyên		x		x	2016-2018	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Số: A205991, ngày cấp 18/3/2019
2	Nguyễn Viết Dũng		x	x		2016-2018	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Số: QH10201900352 ngày cấp 28/2/2020

							(ĐHQG-HCM)	
3	Lê Nguyễn Thảo Trang		x		x	2020-2022	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Số: 000779, ngày cấp 15/4/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Tổng hợp vật liệu V ₂ O ₅ cấu trúc đa lớp “bilayered” và nghiên cứu quá trình đan cài ion Na ⁺	CN	T2016-23 Đề tài cấp cơ sở	5/2016 – 5/2017	Quyết định V/v Phê duyệt thực hiện đề tài nghiên cứu NCKH cấp Trường năm 2016, số

					669/QĐ/KHTN-KH, ngày 05/5/2016 Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp cơ sở số 381/QĐ/KHTN-KH ngày 23/3/2017 và Biên bản họp Hội đồng khoa học nghiệm thu đề tài khoa học cấp trường, ngày 28/3/2017 Xếp loại: Xuất sắc
2	Nghiên cứu quá trình đan cài điện hóa ion Li^+ và Na^+ vào cấu trúc Olivine $\text{LiMn}_x\text{Fe}_{1-x}\text{PO}_4$	CN	C2018-18-11 Đề tài cấp Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	4/2018 – 4/2019	Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ số C2018-18-11/HĐ-KHCN, ngày 04/4/2018 Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu số 141/QĐ-ĐHQG ngày 05/3/2020 và Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 25/4/2020 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
Ia	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc gia (6 bài)							
1	Cấu trúc và tính chất điện hoá của vật liệu sol-gel birnessite MnO_2	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ/0866-708X			53, 2A, 50-57	2015

2	Khảo sát và đánh giá tính chất điện hóa của một số oxit mangan	4	x	Tạp chí Hóa học Việt Nam/0866-7144			52, 6B, 63-67	2014
3	MnO ₂ Birnessite là vật liệu catốt cho nguồn điện natri	4		Tạp chí Hóa học Việt Nam/0866-7144			52, 6B, 34-37	2014
4	In-situ X-ray diffraction in investigation of phase transition of MgH ₂ and MgH ₂ -TiH ₂ under high pressure and temperature	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ/0866-708X			51, 5A, 35-44	2013
5	Tổng hợp và đánh giá tính chất điện hóa của vật liệu Na _x MO ₂ ứng dụng cho pin sạc Natri	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ/0866-708X			51, 5A, 51-60	2013
6	Synthesis of electrolytic manganese dioxide and the factors influencing phase structure	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ/0866-708X			49, 6C, 255-264	2011
Ib	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế (3 bài)							
1	Electrochemical properties of non-stoichiometric nanocrystalline Li ₄ Mn ₅ O ₁₂ for hybrid capacitors	5		Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology/ 2043-6262	Scopus (Q2)	1	7, 1, 015012 (7 pages)	2016
2	Facile Solution Route to Synthesize Nanostructure Li ₄ Ti ₅ O ₁₂ for High Rate Li-Ion Battery	5		Journal of Nanomaterials/ 1687-4110	ISI (Q2, IF: 2,986, 2020)	1	2016, Article ID 4261069, 7 pages	2016
3	Electrochemically formed α'-NaV ₂ O ₅ : A new sodium intercalation compound	6		Electrochimica Acta/0013-4686	ISI (Q1, IF: 6,901, 2020)	38	176, 586-593	2015
Ic	Bài báo đăng trên các hội thảo quốc tế (1 bài)							
1	Electrochemical characterization of Na _x MO ₂ as cathode materials in sodium battery	4		Proceeding of TechConnectWorld-2014/978-1-4822-5830-1			3, 45-453	2014

II	Sau khi được công nhận TS							
IIa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc gia (18 bài)							
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của dung dịch điện ly ion đơn hoá trị đến tính chất lưu trữ năng lượng của vật liệu nano TiO ₂	9	x	Tạp chí xúc tác và hấp phụ Việt Nam/0086-7411			10, SI 1, 356-360	2021
2	Cảm biến điện hoá PANI-CNTs chức năng hoá xúc tác NiO ứng dụng hpaan tích nhanh methanol trong môi trường nước	8		Tạp chí phân tích Hoá, Lý và Sinh học/0868-3224			26, 3A, 136-140	2021
3	Chế tạo và khảo sát độ bền nhiệt của của pin mặt trời chất màu nhạy quang	4		Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam/2615-9759			62, 3, 42-47	2020
4	Effect of UV filtering on dye-sensitised solar cells	4		Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering/2525-2461			62, 1, 38-42	2020
5	Ảnh hưởng của phụ gia dẫn điện graphite đến khả năng điện hấp phụ NaCl của điện cực carbon hoạt tính	12		Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam/2615-9759			62, 11, 64-68	2020
6	Tổng hợp và khảo sát tính chất điện hóa của vật liệu điện cực dương Na _x Fe _{2/3} Mn _{1/3} O ₂ cho pin sạc Na-ion	7		Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam/2615-9759			62, 6, 42-47	2020
7	Pha tạp Ni vào vật liệu LiFePO ₄ : cấu trúc, hình thái và tính chất điện hóa	6	x	Tạp chí Hoá học Việt Nam/2572-8288			57, 4E1-2, 204-208	2019
8	Nghiên cứu quá trình đan cài ion Na ⁺ vào cấu trúc olivine LiFePO ₄	5	x	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Tự nhiên/2588-106X			3, 1, 46-54	2019
9	Nghiên cứu cấu trúc và tính chất điện hóa của vật liệu NaFe _x Mn _{1-x} O ₂	5	x	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Tự nhiên/2588-106X			3, 4, 317-325	2019

10	Layered O3- NaFe _{0.5} Co _{0.5} O ₂ as high capacity and low-cost material for sodium ion batteries	6		Vietnam Journal of Science and Technology/2525-2518			57, 2, 198- 206	2019
11	Effect of solvent composition on the electrochemical performance of high- voltage cathode LiNi _{0.5} Mn _{1.5} O ₄	5		Journal of Science and Technology/2525-2518			56, 2A, 69- 74	2018
12	A comparison of structure and electrochemical performance of spinels LiNi _{0.5} Mn _{1.5} O ₄ and LiCo _{0.25} Ni _{0.25} Mn _{1.5} O ₄	5	x	Tạp chí Hoá học Việt Nam/2572-8288			56, 3E12 460-464	2018
13	Layered structure NaNi _{1/3} Mn _{1/3} Co _{1/3} O ₂ : Synthesis and electrochemical behaviors in sodium- ion battery	5	x	Tạp chí Hoá học Việt Nam/2572-8288			56, 3E12 465-468	2018
14	Sol-gel NaNi _{1/3} Mn _{1/3} Co _{1/3} O ₂ as potential cathode material for Na-ion batteries: Effect of cooling process on structure and electrochemical properties	5		Tạp chí Hoá học Việt Nam/2572-8288			56, 3E12, 484-490	2018
15	Hydrothermal synthesis of nano bilayered V ₂ O ₅ and electrochemical behavior in non- aqueous electrolytes LiPF ₆ and NaClO ₄	6	x	Journal of Science and Technology/2525-2518			55, 1B, 24- 29	2017
16	Cycling behavior of Na _{0.44} MnO ₂ in different sodium liquid electrolytes	4	x	Tạp chí Hoá học Việt Nam/2572-8288			55, 5E1-2, 322-327	2017
17	Ảnh hưởng của sự pha tạp ion Co ²⁺ đến cấu trúc và khả năng đán cài ion natri của vật liệu birnessite MnO ₂	4		Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam/2615-9759			14, 3, 14-19	2017

18	Tính chất điện hoá của vật liệu $\text{Na}_x\text{Ni}_{1/3}\text{Mn}_{1/3}\text{Co}_{1/3}\text{O}_2$ tổng hợp bằng phương pháp sol-gel	5		Tạp chí Hoá học Việt Nam/2572-8288			55, 5E1-2, 105-109	2017
IIb Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế (29 bài)								
1	Influence of thickness and morphology of MoS_2 on the performance of counter electrodes in dye-sensitized solar cells	7		Beilstein Journal of Nanotechnology/2190-4286	ISI (Q2, IF: 3,650, 2020)		13, 528-537	2022
2	A low-cost and eco-friendly fabrication of an MCDI-utilized PVA/SSA/GA cation exchange membrane	11		Green Processing and Synthesis/2191-9550	ISI (Q2, IF: 2,830, 2020)		11, 1, 563-571	2022
3	Environmentally Friendly Controlled Synthesis of Gold Nanostars with Collagen by One-Step Reduction Method	6		Journal of Nanomaterials/1687-4129	ISI (Q2, IF: 2,986, 2020)		2022, Article ID 4046389, 16 pages	2022
4	Rapidly Forming the Chemical Bond Titania–Carbon in Hybrid Composite TiO_2 /Reduced Graphene Oxide to Enhance the Efficiency of Dye-Sensitized Solar Cells	14		Arabian Journal for Science and Engineering/2191-4281	ISI (Q2, IF: 2.334, 2020)		47, 387–395	2021
5	Electrophoretic Codeposition of $\text{MoO}_x/\text{MoS}_2$ Thin Film for Platinum-Free Counter Electrode in Quantum Dot Solar Cells	7		International Journal of Photoenergy/1687-529X	ISI (Q2, IF: 2.113, 2020)		2021, Article ID 7691202, 12 pages	2021
6	Enhanced capacitive deionization performance of activated carbon derived from coconut shell electrodes with low content carbon nanotubes–graphene	15	x	Materials Letters/0167-577X	ISI (Q1, IF: 3.423, 2020)		292, 129652	2021

	synergistic hybrid additive						
7	Hydrothermally synthesized nanostructured $\text{LiMn}_x\text{Fe}_{1-x}\text{PO}_4$ ($x = 0-0.3$) cathode materials with enhanced properties for lithium-ion batteries	8		Scientific Reports/2045-2322	ISI (Q1, IF: 4.379, 2020)	11, 1, 12280	2021
8	Efficient nickel or copper oxides decorated graphene– polyaniline interface for application in selective methanol sensing	10		RSC Advances/2050-926X	ISI (Q1, IF: 3.361, 2020)	11, 46, 28573-28580	2021
9	Design of NiOOH/PANI-Gr and NiOOH/PANI-CNTs Interfaces for Sensitive and Selective Methanol Electrochemical Sensors	10		Journal of The Electrochemical Society/ 1945-7111	ISI (Q1, IF: 4.316, 2020)	168, 10, 107509	2021
10	Comparative desalination performance of activated carbon from coconut shell waste/carbon nanotubes composite in batch mode and single-pass mode	6		Journal of Applied Electrochemistry/1572-8838	ISI (Q2, IF: 2.398, 2020)	1 51, 9, 1313-1322	2021
11	Effect of 3D Metal on Electrochemical Properties of Sodium Intercalation Cathode $\text{P2-Na}_x\text{Me}_{1/3}\text{Mn}_{2/3}\text{O}_2$ ($\text{M} = \text{Co}, \text{Ni}, \text{or Fe}$)	10		Journal of Chemistry /2090-9071	ISI (Q2, IF: 2.506, 2020)	2021, Article ID 2680849, 9 pages	2021
12	A study of the electrochemical kinetics of sodium intercalation in $\text{P2/O1/O3-NaNi}_{1/3}\text{Mn}_{1/3}\text{Co}_{1/3}\text{O}_2$	6		Journal of Solid State Electrochemistry/1433-0768	ISI (Q2, IF: 2.647, 2020)	24, 1, 57-67	2020
13	Preparation of Carbon-Supported Ternary Nanocatalysts	6		Journal of Chemistry /2090-9071	ISI (Q2, IF: 2.506, 2020)	Volume 2020, Article	2020

	Palladium-Vanadium-Cobalt for Alcohol Electrooxidation				2.506, 2020)		ID 6027613, 9 pages	
14	Coconut shell-derived activated carbon and carbon nanotubes composite: a promising candidate for capacitive deionization electrode	18	x	Synthetic Metals/0379-6779	ISI (Q1, IF: 3.226, 2020)	13	265, 115415	2020
15	Fabrication and Electrochemical Behavior Investigation of a Pt-Loaded Reduced Graphene Oxide Composite (Pt@rGO) as a High-Performance Cathode for Dye-Sensitized Solar Cells			International Journal of Photoenergy/1687-529X	ISI (Q2, IF: 2.113, 2020)	6	2020, Article ID 8927124, 10 pages	2020
16	Bilayered Potassium Vanadate $K_{0.5}V_2O_5$ as Superior Cathode Material for Na-Ion Batteries	5		ChemSusChem/1864-564X	ISI (Q1, IF: 8.928, 2020)	13	12, 23, 5192-5198	2019
17	Precision Manufacturing of $NaNi_{1/3}Mn_{1/3}Co_{1/3}O_2$ Cathodes: Study of Structure Evolution and Performance at Varied Calcination Temperatures	8		Journal of Electronic Materials/0361-5235	ISI (Q2, IF: 1.938, 2020)	7	48, 5301-5309	2019
18	Structure and electrochemical properties of $Li_4Ti_5O_{12}$ prepared via low temperature precipitation	6	x	Journal of Chemistry /2090-9071	ISI (Q2, IF: 2.506, 2020)	3	2019, Article ID 1727859, 7 pages	2019
19	Li-insertion into sol-gel $Na_{0.44}MnO_2$ cathode material for higher structure and electrochemical performance of batteries	5	x	Energy storage/2578-4862		3	2, 3, e121	2019
20	Structure and Electrochemical	6	x	Journal of Chemistry /2090-9071	ISI (Q2,	4	2019, Article ID	2019

	Behavior of Minor Mn-Doped Olivine $\text{LiMn}_x\text{Fe}_{1-x}\text{PO}_4$				IF: 2.506, 2020)		5638590, 10 pages	
21	Preparation of Nano-Ag-TiO ₂ Composites by Co-60 Gamma Irradiation to Enhance the Photocurrent of Dye-Sensitized Solar Cells	6	x	International Journal of Photoenergy/1687-529X	ISI (Q2, IF: 2.113, 2020)	1	2019, Article ID 5737952, 8 pages	2019
22	Electrode Composite LiFePO_4 @Carbon: Structure and Electrochemical Performances	8	x	Journal of Nanomaterials/1687-4129	ISI (Q2, IF: 2,986, 2020)	5	2019, Article ID 2464920, 10 pages	2019
23	Selective incorporation of Pd nanoparticles into the pores of an alkyne-containing metal-organic framework VNU1 for enhanced electrocatalytic hydrogen evolution reaction at near neutral pH	9		Materials Chemistry and Physics/0254-0584	ISI (Q2, IF: 4.094, 2020)	3	233, 16-20	2019
24	Lithium insertion in α' - NaV_2O_5 : Na-pillaring effect on the structural and electrochemical properties	4		Electrochimica Acta/0013-4686	ISI (Q1, IF: 6,901, 2020)	9	270, 224-234	2018
25	The richness of V_2O_5 polymorphs as superior cathode materials for sodium insertion	6		Electrochimica Acta/0013-4686	ISI (Q1, IF: 6,901, 2020)	15	270, 129-137	2018
26	Carbon-coated LiFePO_4 -carbon nanotube electrodes for high-rate Li-ion battery	7	x	Journal of Solid State Electrochemistry/1433-0768	ISI (Q2, IF: 2.647, 2020)	18	22, 2247-2254	2018
27	Modification of nanosized LiFePO_4 via nickel doping and graphene coating	5		International Journal of Nanotechnology/ 1741-8151	ISI (Q1, IF: 0.367, 2020)		15, 11-12, 914-924	2018

28	Promising electrode material using Ni-doped layered manganese dioxide for sodium-ion batteries	7	x	Journal of Applied Electrochemistry/1572-8838	ISI (Q2, IF: 2.398, 2020)	6	48, 793–800	2018
29	Electrochemical Na-Migration into Delithiated Phase $\text{Li}_2\text{Ni}_{1/3}\text{Mn}_{1/3}\text{Co}_{1/3}\text{O}_2$: Structure and Electrochemical Properties	6	x	Journal of The Electrochemical Society/1945-7111	ISI (Q1, IF: 4.316, 2020)	2	165, 7, A1558	2018

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 19 bài gồm các bài theo số thứ tự: 6, 14, 18, 19, 20, 21, 22, 26, 28 và 29.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UỶ (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UỶ PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính HVCH:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UỶ chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH được cấp bằng ThS bị thiếu: số thứ tự IIb.29 – Electrochemical Na-Migration into Delithiated Phase $\text{Li}_2\text{Ni}_{1/3}\text{Mn}_{1/3}\text{Co}_{1/3}\text{O}_2$: Structure and Electrochemical Properties, Journal of The Electrochemical Society (2018) 165, 7, A1558; ISI (Q1, IF: 4.316, 2020)

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Lê Thanh Nguyên